

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 10-3-2021
V/v “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Đặng Ngọc Bình
Ông Đỗ Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2021/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc “*Xin ly hôn*”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 89/2020/HNGĐ-ST ngày 25/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐ-PT ngày 19/02/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Hồng Nh, sinh năm 1987.

Địa chỉ: NĐC, Phường M, thành phố ĐL, Lâm Đồng. Địa chỉ liên lạc: Cửa hàng điện máy T, Tổ dân phố chợ TL, thị trấn NB, LH, Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Bạch Ngọc Quý A, sinh năm 1988.

Địa chỉ: NĐC, Phường M, thành phố ĐL, Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Ông Bạch Ngọc Quý A - Bị đơn.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn Bà Ngô Thị Hồng N trình bày: Bà và ông A kết hôn vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, sau khi kết hôn chung sống với nhau tại nhà cha mẹ bà ở quận Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh. Từ cuối năm 2015, về chung sống ở nhà cha mẹ chồng ở đường NĐC, Phường M, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp. Ông A sống y lại cha mẹ, không lo cho cuộc sống gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, gây ức chế cho bà, vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bạch Ngọc Minh Kh, sinh ngày 17/10/2015. Khi ly thân con ở với bà, ly hôn bà yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Thu nhập bình quân của bà một tháng trừ ăn uống còn lại 8.000.000đ.

Về tài sản chung: Có 01 mảnh đất diện tích 101m² tại phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và 01 xe ô tô Hyundai I-10. Khi ly hôn hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Nợ cha mẹ hai bên tiền mua xe, khi ly hôn tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Theo bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn ông Bạch Ngọc Quý A trình bày: Ông và bà N kết hôn vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận Gò Vấp, Thành Phố Hồ Chí Minh. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà cha mẹ vợ ở quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh đến cuối năm 2015 về chung sống tại nhà cha mẹ chồng ở đường NĐC, Phường M, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Cụ thể, sức khỏe vợ yếu, đi làm nhiều áp lực, muốn vợ tạm ở nhà nghỉ ngơi, nhưng vợ không chịu. Ngoài ra, còn bất đồng trong xử lý tài sản, ông yêu cầu bán đất nhưng vợ và cha mẹ vợ không cho bán dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và cha mẹ hai bên. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn bình thường, đầu năm 2020 do tình hình dịch bệnh, thu nhập thấp, ông lại yêu cầu bán đất nhưng bà N không đồng ý nên mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn và đã sống ly thân. Vợ ông đòi đem con xuống Sài Gòn ở, ông không đồng ý. Vợ đi một mình, con ở lại với ông một tháng thì bà N quay lại sống tại

nhà ông bà ngoại nên con đi lại hai bên nội ngoại. Nay bà N xin ly hôn, ông đã cố níu kéo vì con nhưng không được, nên cũng đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bạch Ngọc Minh Kh, sinh ngày 17/10/2015. Ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con, vì nền tảng gia đình và môi trường sống của gia đình ông tốt hơn, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có một mảnh đất diện tích 101m² tọa lạc tại phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và 01 xe ô tô Hyundai I-10, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ cha mẹ hai bên tiền mua xe, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết do cha mẹ hai bên không yêu cầu trả nợ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 89/2020/HNGĐ-ST ngày 25/12/2020 của Tòa án thành phố Đà Lạt đã xử:

1 – Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa ông Bạch Ngọc Quý A và bà Ngô Thị Hồng N.

2- Tuyên xử:

2.1 Về quyền nuôi con chung: Giao con tên Bạch Ngọc Minh Kh, sinh ngày 17/10/2015 cho bà Ngô Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên.

2.2 Ông Bạch Ngọc Quý A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Bạch Ngọc Minh Kh, mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01/2021 cho đến khi con thành niên.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 06/01/2021 bị đơn Ông Bạch Ngọc Quý A có đơn kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung.

Tại phiên tòa hôm nay, ông A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà N không đồng ý với kháng cáo của ông A, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm

nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của ông A. Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà N và ông A chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông A là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên bà N có đơn xin ly hôn, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Xin ly hôn*” là đúng pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung: Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Về con chung: Xét kháng cáo của ông A thì thấy rằng, giữa bà N và ông A có 01 con chung là Bạch Ngọc Minh Kh, sinh ngày 17/10/2015 nay con đang ở với bà N. Cả bà N và ông A đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con của bà N và ông A là chính đáng. Cả bà N và ông A đều có chỗ ở, việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Hiện nay cháu Kh đang ở với mẹ, cháu còn nhỏ nên rất cần được mẹ chăm sóc nuôi dưỡng để cháu phát triển tốt cả về thể lực và trí tuệ. Hơn nữa, ông A làm nghề lái xe, do tính chất đặc thù của công việc, không có điều kiện về thời gian để chăm sóc con. Do đó, cấp sơ thẩm đã xem xét quyền lợi mọi mặt của con, giao con cho bà N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông A, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông A phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Bạch Ngọc Quý A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung: Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao con tên Bạch Ngọc Minh Kh, sinh ngày 17/10/2015 cho bà Ngô Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Ông Bạch Ngọc Quý A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2021 cho đến khi con thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành xong, hàng tháng Ông A còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Bà Ngô Thị Hồng N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0017692 ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Bà N đã nộp đủ án phí.

Ông Bạch Ngọc Quý A phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con và 300.000đ án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003501 ngày 08/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Ông A còn phải nộp 300.000đ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC (01);
- VKSND tỉnh LD (01);
- TAND Tp. Đà Lạt (02);
- Phòng KTNV&THA (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu AV – HS (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Nguyệt